

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 21-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Bùi Phước Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2023/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐHNGĐ – ST ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1991. Cư trú tại: Đường D, khu phố A, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1987. Cư trú tại: Đường B, khu phố L, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích C và anh Trần Ngọc H chung sống vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Sơn, thị xã Tây Ninh (nay là phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì phát sinh

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H thường xuyên cờ bạc, gây nợ nần, thiếu quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống vợ chồng. Chị C khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi. Đến năm 2019 và năm 2020, chị C có làm đơn xin ly hôn anh H, sau đó chị C rút đơn lại để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm và giải quyết mâu thuẫn nhưng đến nay không giải quyết được. Nay chị C nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích C và anh Trần Ngọc H có 01 con chung tên Trần Ngọc Anh T, sinh năm 2013. Chị C xin nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Ngọc H được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh H không nộp bản tự khai, không đến Tòa giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Điều Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích C, cho chị C và anh H ly hôn.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Ngọc Anh T, sinh năm 2013 cho chị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đương sự pH chịu theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Bích C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần Ngọc H có địa chỉ cư trú tại: Đường B, khu phố L, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Anh Trần Ngọc H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; chị Nguyễn Thị Bích C vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh H.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích C và anh Trần Ngọc H chung sống vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Sơn, thị xã Tây Ninh (nay là phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị C và anh H chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H thường xuyên cờ bạc, gây nợ nần, thiếu quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống vợ chồng. Chị C khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi. Năm 2019, chị C có làm đơn xin ly hôn anh H, sau đó chị C rút đơn lại để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm và giải quyết mâu thuẫn nhưng đến nay không giải quyết được. Trong vụ án này, anh H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H không nộp bản tự khai, không trình bày ý kiến, không đến Tòa để tham gia hòa giải và xét xử chứng tỏ anh H có ý thức bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh H là phù hợp.

- Về con chung: Chị C và anh H có 01 con chung tên Trần Ngọc Anh T, sinh năm 2013. Xét thấy, con chung do chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ nhỏ, nay chị C và anh H ly hôn thì cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị C. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị C chịu 300.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh

là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích C đối với anh Trần Ngọc H. Chị Nguyễn Thị Bích C được ly hôn anh Trần Ngọc H.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Ngọc Anh T, sinh năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Bích C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích C chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị C đã nộp theo biên lai thu số 0001779 ngày 24-02-2023 của C cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pHthi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. TTN;
- VKSND. TPTN;
- CC.THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Ánh Tuyết

